

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/HS-ST
Ngày: 27-12-2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Trinh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 26/4/2004; Nơi sinh: Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Hữu L và bà Nguyễn Thị N; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Tạm giữ, tạm giam: Không; Có mặt.

- **Người bào chữa:** Ông Lê Phi T là luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ; **có mặt.**

- **Bị hại:** Huỳnh Văn D, sinh ngày 01/01/1965; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; **có mặt.**

- **Người làm chứng:** Nguyễn Thị N; có mặt, Huỳnh Văn P; **vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Huỳnh Văn D chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị N là mẹ của Nguyễn Thành Đ gần 02 năm, nên Được biết rõ ông D thường xuyên để đồng hồ và nhẫn vàng trong cốp xe SH mode, biển số 66H1-458.78.

Vào khoảng 04 giờ ngày 21/6/2024, Nguyễn Thành Đ nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của ông Huỳnh Văn D1 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Được đi đến chỗ dựng xe, dùng tay phải ấn công tắc mở cốp xe, dùng điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh mở chế độ đèn pin, rồi tìm nhẫn và đồng hồ. Khi thấy 01 chiếc nhẫn vàng 24K, khối lượng 02 lượng và 01 đồng hồ đeo tay có dây đồng hồ bằng kim loại vàng, mặt đồng hồ có chữ AOLIX, Đ dùng tay phải lấy nhẫn và đồng hồ cất vào túi quần bên phải phía trước, đi vào buồng nơi nằm ngủ, cất giấu nhẫn và đồng hồ vào cái hộp giấy màu trắng xanh có chữ “TINH DẦU TRỪNG AN”. Khoảng 05 phút sau, Được nảy sinh ý định tạo hiện trường giả, nên đến chỗ bà Nguyễn Thị N (mẹ ruột Đ) nằm ngủ để mượn chìa khóa mở cửa ra ngoài. Được lấy đôi dép của ông D ấn phần đế dép vào đất bùn rồi in đế dép vào ghế đá phía trước hàng rào, ấn đế dép xuống nền nhà từ trước đến cửa nhà bếp, từ cửa bếp đến vị trí dựng xe 66H1-458.78, rồi đến chỗ ông D và bà N nằm ngủ; tiếp tục Được ấn đế dép dính bùn ngược lại hướng nhà bếp, đến hàng rào. Sau đó, Đ lấy con dao tại nhà bếp, rạch một đường vào mùng của bà N, rồi đi vào buồng nằm ngủ.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, ông D phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo Công an xã T đến hiện trường. Lúc này, Đ lấy hộp giấy màu trắng xanh đựng nhẫn và đồng hồ để vào hộp nhựa màu vàng có chữ “MEIZAN”, cất giấu trong tủ chén. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi Công an mời về làm việc, Được thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Vật chứng:

- 01 nhẫn, bằng kim loại, màu vàng, mặt nhẫn hình chữ nhật, trên mặt nhẫn có hoa văn không xác định, có đóng dấu ký hiệu “A-HOA 980”, có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 97,47%, có khối lượng 75,425 gam. 01 đồng hồ đeo tay gồm mặt đồng hồ hình tròn, trong mặt đồng hồ có chữ “AOLIX”, được gắn liền 01 lắc dây đồng hồ bằng kim loại màu vàng, có đóng ký hiệu PPJ.610*756 có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 60,25%, có khối lượng 42,697 gam. Các tài sản thuộc sở hữu của bị hại, bị lấy trộm nên Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại bị hại D.

- 01 cây dao có chiều dài 22,5cm; trong đó lưỡi dao bằng kim loại, có chiều dài 12,5cm; bề rộng lưỡi dao có kích thước 03cm; cán dao bằng nhựa, màu xanh, có chiều dài 10cm (đã qua sử dụng); là tài sản thuộc sở hữu của Nguyễn Thị N,

không biết việc Đ sử dụng tạo hiện trường giả nên Cơ quan điều tra đã trả lại bà N.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh (đã qua sử dụng); 01 hộp nhựa màu vàng, trên hộp có chữ Meizan (đã qua sử dụng); 01 hộp giấy màu trắng xanh, trên hộp giấy có chữ “TINH DẦU TRUỜNG AN” (đã qua sử dụng) là tài sản của Nguyễn Thành Đ, sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội và cất giấu tài sản sau khi trộm được.

Kết luận giám định số 943/KL-KTHS ngày 16/7/2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt chiếc nhẫn hình chữ nhật, trên mặt in hoa văn không xác định, có đóng dấu ký hiệu “A-HOA 980”, được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số PS3-23008565 gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 97,47%, có khối lượng 75,425 gam. Dây đồng hồ bằng kim loại màu vàng có đóng ký hiệu PPJ.610*756” được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3, mã số PS3-23008566 nêu trên gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 60,25%, có khối lượng 42,697 gam.

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 01/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng 24K (hàm lượng vàng 97,47%) có khối lượng 02 lượng (75,425gam), trị giá 148.000.000 đồng. 01 đồng hồ đeo tay gồm: 01 mặt đồng hồ hình tròn, trong mặt đồng hồ có chữ “AOLIX” được gắn liền 01 lắc dây đồng hồ (dây đồng hồ) bằng kim loại màu vàng (hàm lượng kim loại vàng 60,25%), có khối lượng 42,697 gam, trị giá 38.000.000 đồng. Tổng trị giá: 186.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Văn D đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị can Nguyễn Thành Đ bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng truy tố số 56/CT-VKSHN ngày 20 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự (Sau đây viết tắt là BLHS), xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ từ 03 năm đến 04 năm tù, về “Tội trộm cắp tài sản”. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy hộp nhựa màu vàng, có chữ “Meizan”; hộp giấy màu trắng xanh, có chữ “TINH DẦU TRUỜNG AN”. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo để lao động nuôi mẹ. Xin lỗi bị hại vì một phút nổi lòng tham nên lấy tài sản của dượng.

Người bào chữa phát biểu: Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã nêu, đề nghị xem xét thêm: Cha, mẹ bị cáo không sống chung, cha đã bỏ đi khi bị cáo mới 6 tháng tuổi; Bị cáo thuộc hộ nghèo; ông nội của mẹ là người có công cách mạng, cậu của mẹ là thương binh, cậu bị cáo là bộ đội xuất ngũ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt và được hưởng án treo.

Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Bị cáo Nguyễn Thành Đ là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Huỳnh Văn D 01 nhẫn vàng, trị giá 148.000.000 đồng và 01 đồng hồ, trị giá 38.000.000 đồng; tổng cộng: 186.000.000 đồng. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thành Đ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, làm cho nhân dân hoang mang lo lắng; là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Việc cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với hành vi của bị cáo, không đủ sức răn đe, giáo dục, đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, bị cáo và bị hại.

[6] Về nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã giao nộp lại tài sản để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, cha bị cáo đã không còn sống chung với bị cáo từ nhỏ, bị cáo chỉ sống với mẹ nên thiếu đi sự giáo dục từ cha, tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội, thuộc hộ nghèo, bị hại cũng là người thân thích xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Căn cứ vào các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa. Tại phiên tòa, người bào chữa và mẹ của bị cáo trình bày có người thân có công cách mạng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để áp dụng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có điều kiện kinh tế nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[10] Về vật chứng, trách nhiệm dân sự: Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo, nên xem xét cho miễn án phí.

[12] Những vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập, nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành Đ phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng:

2.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu xanh (đã qua sử dụng).

2.2. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) hộp nhựa màu vàng, trên hộp có chữ “MEIZAN”; 01 (một) hộp giấy màu trắng - xanh, trên hộp giấy có chữ “TINH DẦU TRƯỜNG AN” (đều đã qua sử dụng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý vật chứng theo Biên bản giao, nhận ngày 21 tháng 10 năm 2024.

3. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thành Đ được miễn án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, **bị hại đều** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (**ngày 27 tháng 12 năm 2024**).

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (nếu có);
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương nơi giám sát, giáo dục người được hưởng án treo (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú